

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-6-2025  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giàng A Bách.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vàng A Kỷ

2. Bà Lầu Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị S, sinh năm 1989, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1994, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Cừ A Kh, sinh năm 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca; địa chỉ: Xã HK, huyện Tr, tỉnh Yên Bái.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị S trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lý Thị S và anh Cư A Kh tự nguyện kết hôn ngày 04/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn chị S và anh Kh đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008. Tuy nhiên, ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do anh Kh không tu trí làm ăn, không quan tâm gia đình, thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè và nghiện ma túy, kinh tế gia đình khó khăn. Đến tháng 8/2024 anh Kh vi phạm pháp luật hình sự, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện nay anh Kh đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Do anh Kh không thể chung sống, quan tâm chăm sóc gia đình, hôn nhân không hạnh phúc, chị S không còn tình cảm với anh Kh nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh.

*Về nuôi con chung:* Chị S và anh Kh có 06 con chung đều chưa thành niên là: Cư Thị A, sinh ngày 10/02/2008; Cư Thị L, sinh ngày 28/02/2012; Cư Thị D, sinh ngày 28/02/2013; Cư Thị Đ, sinh ngày 05/4/2015; Cư A M sinh ngày 01/02/2018 và Cư A L, sinh ngày 14/10/2022. Kể từ khi anh Kh bị bắt đến nay cả 06 con chung đều do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị S đề nghị Tòa án giao cả 06 con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, anh Cư A Kh có ý kiến như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Kh nhất trí với lời khai của chị S về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm chung sống như vợ chồng. Vào năm 2008 anh Kh và chị S chung sống với nhau như vợ chồng tại bản H, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên cùng với bố mẹ anh Kh, đến ngày 04/10/2016 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N. Trước khi kết hôn, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ tháng 6/2014, do cả hai tính tình không hợp nhau, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình. Sau khi kết hôn vào năm 2016, chị S và anh Kh đi làm thuê nhưng do anh Kh chơi bời nên đã nghiện ma túy. Đến tháng 01/2025 anh Kh đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca. Nay chị S đề nghị giải quyết ly hôn, mặc dù anh Kh vẫn còn tình cảm với chị S nhưng anh Kh cũng đồng ý ly hôn.

*Về nuôi con chung:* Anh Kh công nhận vợ chồng có 06 con chung đều chưa thành niên là Cư Thị A, sinh ngày 10/02/2008; Cư Thị L, sinh ngày 28/02/2012; Cư

Thị D, sinh ngày 28/02/2013; Cư Thị Đ, sinh ngày 05/4/2015; Cư A M sinh ngày 01/02/2018 và Cư A L, sinh ngày 14/10/2022, hiện cả 06 con chung đang ở với chị S. Anh Kh đồng ý để chị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 06 con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Kh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lý Thị S được ly hôn với anh Cư A Kh; đề nghị giao cả 06 con chung chưa thành niên cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị S.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lý Thị S được ly hôn anh Cư A Kh; giao 06 con chung là cháu Cư Thị A, sinh ngày 10/02/2008; Cư Thị L, sinh ngày 28/02/2012; Cư Thị D, sinh ngày 28/02/2013; Cư Thị Đ, sinh ngày 05/4/2015; Cư A M sinh ngày 01/02/2018 và Cư A L, sinh ngày 14/10/2022 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lý Thị S, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị S khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Cư A Kh có nơi cư trú tại bản H, xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

[3] *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, do anh Kh đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Hồng Ca có địa chỉ tại xã HK, huyện Tr, tỉnh Yên Bái nên Tòa án nhân dân huyện N đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái lấy lời khai của anh Kh theo quy định tại Điều 97 và Điều 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Kh gồm: Các thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị S và anh Kh đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị S và anh Kh tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên, quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị S và anh Kh là hợp pháp. Tuy nhiên, từ khi kết hôn vợ chồng anh chị đã có nhiều mâu thuẫn, do anh Kh không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và nghiện chất ma túy. Sau đó, đến năm 2024 anh Kh vi phạm pháp luật hình sự về tội phạm ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca. Lời khai của chị S phù hợp với lời khai của anh Kh và phù hợp với Biên bản xác minh ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện N tại Ủy ban nhân dân xã V về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình. Anh Kh mặc dù còn tình cảm với chị S nhưng cũng nhận thấy mình có nhiều sai lầm trong hôn nhân, hiện anh Kh không thể quan tâm, chăm sóc chị S và các con. Hội đồng xét xử nhận định chị S và anh Kh không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho chị S, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh Kh.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị S và anh Kh có 06 con chung đều chưa thành niên là cháu Cư Thị A, sinh ngày 10/02/2008; Cư Thị L, sinh ngày 28/02/2012; Cư Thị D, sinh ngày 28/02/2013; Cư Thị Đ, sinh ngày 05/4/2015; Cư A M sinh ngày 01/02/2018 và Cư A L, sinh ngày 14/10/2022. Kể từ khi anh Kh bị bắt, chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 06 con chung. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 06 con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Các cháu Cư Thị A, Cư Thị L, Cư Thị D, Cư Thị Đ và Cư A M đã trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Theo biên bản xác minh ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện N thì chị S có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, ngoài ra chị còn đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cả 06 con chung. Mặt khác, anh Kh hiện đang chấp hành hình phạt tù và là người nghiện ma túy không đủ điều kiện để nuôi con và anh Kh cũng có ý kiến nhất trí với nguyện vọng của chị S và nguyện vọng của các con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 06 con chung cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị S và anh Kh đều xác nhận là vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với phát biểu của Kiểm sát viên và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Lý Thị S có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã V, huyện N, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lý Thị S được ly hôn với bị đơn anh Cư A Kh.

2. Về nuôi con chung: Giao cả 06 con chung là Cư Thị A, sinh ngày 10/02/2008; Cư Thị L, sinh ngày 28/02/2012; Cư Thị D, sinh ngày 28/02/2013; Cư Thị Đ, sinh ngày 05/4/2015; Cư A M sinh ngày 01/02/2018 và Cư A L, sinh ngày 14/10/2022 cho chị Lý Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lý Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng TT, KT & THA TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V, huyện N;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giàng A Bách**